

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông,
Năm học 2018-2019.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Những học sinh lớp 6 các trường tiểu học trong quận Tân Bình đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có hồ sơ hợp lệ và tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (theo giấy khai sinh hợp lệ). - Theo phân tuyến của Hội đồng tuyển sinh quận Tân Bình	- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở.	- Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở.	- Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở.	- Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn

	của học sinh	luyện kỹ năng sống.	sống.	luyện kỹ năng sống.	luyện kỹ năng sống.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động đội. - Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động rèn luyện kỹ năng sống	- Hoạt động đội. - Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động rèn luyện kỹ năng sống	- Hoạt động đội. - Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động rèn luyện kỹ năng sống	- Hoạt động đội. - Hoạt động ngoại khóa - Hoạt động rèn luyện kỹ năng sống
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức: 95% Tốt; 4.8%;Khá; <0.2% TB - Học tập: 45% Giỏi; 40% Khá; 12,6% Trung bình; 2.4% Yếu, Kém. - Sức khỏe học sinh: 99.9% bình thường. 0.1% học sinh khuyết tật, hòa nhập	- Đạo đức: 95% Tốt; 4.8%;Khá; <0.2% TB - Học tập: 45% Giỏi; 40% Khá; 12,6% Trung bình; 2.4% Yếu, Kém. - Sức khỏe học sinh: 99.2% bình thường. 0.8 % học sinh khuyết tật học hòa nhập.	- Đạo đức: 95% Tốt; 4.8%;Khá; <0.2% TB - Học tập: 45% Giỏi; 40% Khá; 12,6% Trung bình; 2.4% Yếu, Kém. - Sức khỏe học sinh: 99.5% bình thường. 0.5% học sinh khuyết tật, hòa nhập	- Đạo đức: 95% Tốt; 4.8%;Khá; <0.2% TB - Học tập: 45% Giỏi; 40% Khá; 12,6% Trung bình; 2.4% Yếu, Kém. - Sức khỏe học sinh: 99.8% bình thường. 0.2 % học sinh khuyết tật học hòa nhập.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Hoàn tất chương trình lớp 6 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7.	- Hoàn tất chương trình lớp 7 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8.	- Hoàn tất chương trình lớp 8 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 9.	- Hoàn tất chương trình lớp 9 và đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS. - Đủ khả năng học tập tiếp ở Trung học phổ thông và các trường Trung cấp nghề.

Tân Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

LÊ THỊ THU THỦY

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THẨM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng thực tế của trường
Năm học 2017 – 2018**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	94.51	95.7	93.6	91.6	97.3
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5.27	4.3	6.3	7.7	2.7
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.22	0	0.1	0.7	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	44.05	48.3	46.5	39.5	42.7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	36.08	32.5	36.1	36.5	38.8
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16.55	15.6	13	18.7	18.5
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3.19	3.6	4.1	5	0.1
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.12	0	0.3	0.2	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.73	98	98.59	1.75	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	44.05	48.3	46.5	39.5	42.7
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	36.08	32.5	36.1	36.5	38.8
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	3.13	3.62	4	5.02	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1.27	2.01	1.41	1.75	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	45/15				45/15
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	01				01

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					851
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					850
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					39.6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					39.6
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					19.6
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1635/1591	391/354	400/375	428/427	416/435
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	43	7	10	13	13

Tân Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

LÊ THỊ THU THỦY

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THẨM

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
Năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	48	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	48	1m ² /1hs
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	9	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2 lớp / 1 phòng học	
8	Bình quân học sinh/lớp	43.7 hs/1 lớp	
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12.803m ²	5m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	12803m ²	5m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2304m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1032m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	112m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	462m ²	
5	Diện tích phòng khác Đoàn đội, phòng truyền thống (m ²)	664m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp. 7		
2.3	Khối lớp 8		

2.4	Khối lớp 8		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	500m ²	
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	8	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Bảng tương tác	02	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	106m ²
XI	Nhà ăn	336m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	05/420m ²	500	0.8m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.45m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Tân Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

LÊ THỊ THU THỦY

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THẨM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở
Năm học 2018– 2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	163	0	7	116	19	4	16	44	93	0	118	16	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	139	0	6	111	19	2	0	43	89	0	104	16	0	0
1	Toán	21		2	19				3	18		18	3		
2	Lý	8			6	2			3	5		7	1		
3	Hóa	6			6				3	3		5			
4	Văn	22		1	17	4			7	14		18	1		
5	Lịch sử	7		2	5				1	6		7			
6	Địa lý	6			6					6		5			
7	GDCD	5			5				1	4		5			
8	Anh	16			16				1	15		13	3		
9	Sinh	10			10				4	6		6	2		
10	NC	2			1	1			1	1		2			
11	CN	4				4			4	0		3			
12	NN	1				1			1	0			1		
13	Tin học	6			4	1			2	3		4	1		
14	Nhạc	4			4				1	3		1	1		
15	Họa	4			3	1			3	1		1	3		
16	Thể dục	10		1	7	2			7	3		7			
17	Tổng phụ trách	1			1				1			1			
18	Giám thị	6			1	3	2			1		1			
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				1	1		2			
III	Nhân viên	21	0	0	3	0	2	16	0	2	0	11	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1			1							1			
2	Nhân viên kế toán	1			1					1		1			

3	Thủ quỹ	1					1					1			
4	Nhân viên y tế	1					1					1			
5	Nhân viên thư viện	1			1					1		1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0										0			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0										0			
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0										0			
9	Nhân viên Học vụ	1						1				1			
10	Nhân viên Phục vụ	11						11				2			
11	Nhân viên Bảo vệ	4						4				3			

Tân Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

LÊ THỊ THU THỦY